

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/13

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 23.10.2024

Sản phẩm: **Dry Vitamin A-Palmitate 250 Food Grade**

Phiên bản: 6.0

(30041045/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm:

Dry Vitamin A-Palmitate 250 Food Grade

Sử dụng: Vitamin

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam

Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,

33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 3824 3833

Số fax: +84 28 3824 3832

Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)

Số fax: +84 28 3824 3832

International emergency number:

Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:

Kích ứng da: Cat.3

Độc đối với quá trình sinh sản: Cat.1B (thai nhi)

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Hình đồ cảnh báo:



BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 23.10.2024
Sản phẩm: **Dry Vitamin A-Palmitate 250 Food Grade**

Phiên bản: 6.0

(30041045/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Cảnh báo:
| Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ:
| H316 Gây kích ứng da nhẹ.
| H360 Có thể làm thương tổn thai nhi.

Biện pháp phòng ngừa:
| P280 Đeo găng tay bảo vệ/ quần áo bảo hộ và thiết bị bảo vệ mắt/mặt.
| P201 Xem hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
| P202 Không sử dụng cho đến khi đọc kỹ và hiểu rõ các lưu ý an toàn.

Lưu ý khi tiếp xúc:
| P308+P313 Nếu đã tiếp xúc hoặc nghi ngờ tiếp xúc: Yêu cầu trợ giúp y tế
| P332+P313 Nếu kích ứng da xuất hiện: Yêu cầu trợ giúp y tế

Lưu ý khi bảo quản:
| P405 Kho lưu trữ khóa kín.

Lưu ý khi thải bỏ:
| P501 Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:
| Sản phẩm có thể nổ bụi dưới các điều kiện nhất định.

| Có thể tạo ra phản ứng miễn cảm/ dị ứng. Bao gồm:
| D,L-alpha-tocopherol

3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: hỗn hợp

Chất tiền chế dựa trên:
retinyl palmitate

trong ma trận: carbohydrates
| , gum arabic, starch, D,L-alpha-tocopherol

Thành phần nguy hại

retinyl palmitate
| Hàm lượng (W/W): $\geq 10\%$ - $< 20\%$ Kích ứng da: Cat. 3
| Số CAS: 79-81-2 Repr.: Cat. 1B (thai nhi)
Aquatic Chronic: Cat. 4

| D,L-alpha-tocopherol

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 23.10.2024
Sản phẩm: **Dry Vitamin A-Palmitate 250 Food Grade**

Phiên bản: 6.0

(30041045/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Hàm lượng (W/W): > 0 % - < 1 % Skin Sens.: Cat. 1B
Số CAS: 10191-41-0

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:

Nhân viên sơ cứu phải lưu ý về sự an toàn của chính họ. Nếu bệnh nhân trở nên bất tỉnh, đặt và vận chuyển ở vị trí nghiêng ổn định (vị trí bình phục). Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn ngay lập tức.

Nếu hít phải:

Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành, gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:

Ngay lập tức rửa kỹ bằng xà phòng và nước, gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với mắt:

rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to, tư vấn với chuyên gia mắt

Khi nuốt phải:

Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:

Triệu chứng: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11., Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

cacbon dioxide, bột, bột khô, Phun nước

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:

Vòi phun nước

Thông tin bổ sung:

Tránh làm quay hoặc đảo vòng vật liệu/ sản phẩm vì bụi nổ nguy hiểm.

Những mối nguy hiểm cụ thể:

các oxit cacbon, những chất dạng hơi có hại

Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy. Sự phát triển của khói/sương. Bụi nổ nguy hại.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:

Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập.

Thông tin bổ sung:

Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất theo các quy định chính thức. Làm mát các thùng nguy hiểm bằng cách phun nước.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Thông tin về phương thức bảo vệ cá nhân xem chương 8. Đảm bảo hệ thống thông thoáng đầy đủ. Tránh bụi. Không thổi bụi

Cảnh báo môi trường:

Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng nhỏ: Chứa đựng với vật liệu dính bụi và xử lý.

Cho lượng lớn: Dọn sạch/ xúc sạch. Thu gom chất thải trong vật chứa thích hợp, có thể được dán nhãn và bịt kín.

Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định. Tránh làm phát sinh bụi. Quá trình vệ sinh sản xuất chỉ nên được thực hiện khi đeo thiết bị trợ thở.

Thông tin bổ sung: Bụi có thể tạo thành một hỗn hợp nổ với khí.

7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Tránh bụi. Trang bị hệ thống hút thông thoáng Sản phẩm có thể gây các triệu chứng kích ứng; nên rửa tay sau khi tiếp xúc.

Phòng chống cháy nổ:

Sản phẩm có thể nổ bụi. Tránh bụi. Tránh tích tĩnh điện - các nguồn phát sinh tia lửa điện phải được giữ thông thoáng - nên có sẵn các bình chữa cháy. Chỉ sử dụng dụng cụ và thiết bị chống cháy nổ.

Hướng dẫn bảo quản

Những vật liệu thích hợp cho thùng chứa: Nhựa tổng hợp tỷ trọng cao HDPE, Nhựa tổng hợp tỷ trọng thấp LDPE

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Bảo quản vật chứa kín và khô; cất trữ nơi thoáng mát. Bảo vệ khỏi không khí. Bảo vệ khỏi tác động của ánh sáng.

8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

sucrose, 57-50-1;

Giá trị TWA 10 mg/m³ (ACGIHTLV)

starch, 9005-25-8;

Giá trị TWA 10 mg/m³ (ACGIHTLV)

Thiết bị bảo hộ cá nhân**Bảo vệ hô hấp:**

Thiết bị bảo vệ hô hấp thích hợp trong điều kiện nồng độ thấp hơn hoặc tác động ngắn: Bộ lọc hạt có hiệu suất cao đối với các hạt rắn và lỏng (vd. EN 143 hay 149, Loại P3 hay FFP3).

Bảo vệ tay:

Găng tay chống hóa chất thích hợp (EN ISO 374-1) cũng với quá trình tiếp xúc lâu dài và trực tiếp (Đề nghị: Chỉ số bảo vệ 6, tương ứng > 480 phút thời gian thấm thấu theo EN ISO 374-1) : Vd. cao su nitrile (0.4 mm), cao su chloroprene (0.5 mm), cao su butyl (0.7 mm) v

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thấm thấu được xác định qua các thí nghiệm
Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chấn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Trong mọi trường hợp sản phẩm không được tiếp xúc với da của phụ nữ mang thai hay hít phải. Yêu cầu mặc trang phục làm việc bó sát ngoài thiết bị bảo hộ cá nhân đã nêu. Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Không ăn, uống, hút hay sử dụng thuốc lá ở nơi làm việc. Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca. Cất trữ riêng biệt áo quần làm việc.

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:	những hạt mịn chảy tự do
Màu sắc:	vàng nhạt
Mùi:	không áp dụng
Ngưỡng mùi:	Chưa xác định bởi các nguy cơ tiềm tàng đối với sức khỏe do hít phải hóa chất.
Giá trị pH:	5.9 (10 %(m), 20 °C)
khoảng nóng chảy:	Chất / sản phẩm phân hủy do đó không được xác định.
Điểm sôi:	không áp dụng
Điểm chớp cháy:	không áp dụng, sản phẩm là chất rắn.
Tốc độ bay hơi:	Sản phẩm là chất rắn không bay hơi.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 23.10.2024

Sản phẩm: **Dry Vitamin A-Palmitate 250 Food Grade**

Phiên bản: 6.0

(30041045/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	không dễ cháy cao	(UN Test N.1 (các chất rắn dễ cháy))
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Không thích hợp đối với việc phân loại và dán nhãn đối với các chất rắn	
Giới hạn nổ trên (UEL):		
Phân huỷ do nhiệt:	$\geq 165\text{ }^{\circ}\text{C}$	(DDK (DIN 51007))
Khả năng tự gia nhiệt:	phản ứng tự phân hủy nhanh Đó không phải là chất có thể tự đun nóng theo các quy định vận chuyển UN loại 4.2.	(UN Test N.4 (Những chất tự gia nhiệt))
SADT:	$> 75\text{ }^{\circ}\text{C}$	
Năng lượng đánh lửa tối thiểu:	Tích lũy nhiệt/ Dewar 500 ml (SADT, UN-Test H.4, 28.4.4)	(VDI 2263, tờ 1, 2.1.1)
Nguy cơ nổ:	Sản phẩm có thể nổ bụi. Sản phẩm không có khả năng nổ, tuy nhiên bụi nổ có thể hình thành từ hỗn hợp bụi-khí.	
Những đặc tính làm tăng cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó sản phẩm không được phân loại là oxy hóa.	
Áp suất hơi:	không áp dụng	
Tỷ trọng:	Không có thông tin nào về mật độ tuyệt đối. Thay vào đó, mật độ khối lượng lớn được xác định như một giá trị phù hợp hơn.	
Tỷ trọng thể tích/mật độ khối:	tương đương 600 kg/m ³	
Tỷ trọng hơi (không khí):	không áp dụng, Sản phẩm là chất rắn không bay hơi.	
Tính tan trong nước:	có thể phân tán (10 °C)	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	không áp dụng đối với hỗn hợp chất	
Tính nhớt, động học:	không áp dụng, sản phẩm là chất rắn.	

10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 23.10.2024
Sản phẩm: **Dry Vitamin A-Palmitate 250 Food Grade**

Phiên bản: 6.0

(30041045/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Những điều kiện cần tránh:

Tránh nhiệt. Tránh ánh sáng. Tránh bụi. Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở. Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân huỷ do nhiệt: $\geq 165\text{ }^{\circ}\text{C}$ (DDK (DIN 51007))
phản ứng tự phân huỷ nhanh

Những chất cần tránh:

độ ẩm của không khí, oxy trong không khí

Sự ăn mòn kim loại: Không dự đoán ăn mòn kim loại.

Những phản ứng nguy hiểm:

Bụi nổ nguy hại.

Các sản phẩm phân huỷ nguy hại:

Không có các sản phẩm phân huỷ nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Khả năng phản ứng:

Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

11. Thông tin về độc tính

Các đường tiếp xúc

Đánh giá độ độc cấp tính

Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào.

Triệu chứng

Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11. Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:

Không gây kích ứng mắt. Tiếp xúc với da gây kích ứng nhẹ.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: Gây kích ứng. (Thí nghiệm BASF)

Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: Hơi kích ứng. (OECD hướng dẫn 404)

Thông tin trên: retinyl palmitate

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: không gây kích ứng (OECD hướng dẫn 405)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 23.10.2024
Sản phẩm: **Dry Vitamin A-Palmitate 250 Food Grade**

Phiên bản: 6.0

(30041045/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:

Bao gồm tác dụng mẫn cảm trên các cá nhân đặc biệt nhạy cảm.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Đánh giá tính nhạy cảm:

Tác dụng mẫn cảm da đã không được theo dõi trong nghiên cứu động vật.

| Thông tin trên: D,L-alpha-tocopherol

| Đánh giá tính nhạy cảm:

| Là nguyên nhân gây mẫn cảm da trong nghiên cứu động vật.

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Dựa trên các thành phẩm, không có bằng chứng về tác động gây biến đổi gen.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Trong phần lớn các thí nghiệm được tiến hành (cấy vi khuẩn/các vi sinh vật/tế bào) không tìm thấy tác động đột biến. Tác động đột biến cũng không được quan sát trong các thí nghiệm trên cơ thể sống. Chưa tiến hành toàn bộ các thí nghiệm đối với sản phẩm này. Các báo cáo được đưa ra dựa trên các sản phẩm có cấu trúc và thành phần giống với sản phẩm này.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Tất cả những thông tin hiện có của chúng tôi cho thấy không có bất cứ dấu hiệu nào về tác động gây ung thư.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Đã tiến hành các nghiên cứu trong thời gian dài và các thí nghiệm ngắn hạn về khả năng gây ung thư. Dựa vào các thống kê của kết quả nghiên cứu, không có bằng chứng nào cho thấy đây là chất gây ung thư. Dữ liệu tài liệu.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:

Trong những nghiên cứu trên động vật đã cho thấy tác dụng gia tăng độc tính/gây quái thai.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Đánh giá vấn đề quái thai:

Có thể làm tổn hại đến bào thai

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 23.10.2024
Sản phẩm: **Dry Vitamin A-Palmitate 250 Food Grade**

Phiên bản: 6.0

(30041045/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Độ độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)

Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Tiếp xúc nhiều lần với khối lượng lớn có thể ảnh hưởng đến các cơ quan của cơ thể.

Nguy cơ khi hít vào

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

Thông tin độc tính liên quan khác

Sản phẩm không được thí nghiệm. Những công bố về tính độc tố có nguồn gốc từ đặc tính của từng thành phần.

12. Thông tin về sinh thái

Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Một khả năng cao là sản phẩm không gây nguy hại sâu đến sinh vật thủy sinh.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Một khả năng cao là sản phẩm không gây nguy hại sâu đến sinh vật thủy sinh. Sự kìm hãm quá trình phân hủy của bùn hoạt tính không thể đoán trước khi cho vào nhà máy xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học ở nồng độ thấp.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) > 10,000 mg/l, *Leuciscus idus* (DIN 38412 Phần 15, tính điện)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ. Sản phẩm chưa được thử nghiệm.

Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (48 h) > 100 mg/l, *Daphnia magna* (Thí nghiệm sàng lọc, tính điện)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ. Sản phẩm chưa được thử nghiệm.

Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 23.10.2024
 Sản phẩm: **Dry Vitamin A-Palmitate 250 Food Grade**

Phiên bản: 6.0

(30041045/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Thông tin trên: retinyl palmitate

Thực vật thủy sinh:

EC50 (72 h) 152.94 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Scenedesmus subspicatus* (DIN 38412 Phần 9, tỉnh điện)

Sản phẩm có tính hòa tan thấp trong môi trường thí nghiệm. Dung dịch được pha chế với các chất làm hòa tan được tiến hành thí nghiệm.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC20 (30 min) > 1,000 mg/l, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt (DIN EN ISO 8192-OECD 209-88/302/EEC, P. C, hiếu khí)

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Không có sẵn các dữ liệu.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Chất sẽ không bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.

Có khả năng hấp thụ trong đất rắn.

Tính bền và tính biến chất

Đánh giá phân hủy sinh học và tính khử (H₂O):

Sản phẩm không thể phân hủy sinh học.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Thông tin trên: retinyl palmitate

Thông tin bị đào thải:

40 - 50 % BOD của ThOD (28 d) (OECD 301F; ISO 9408; 92/69/EEC, C.4-D) (hiếu khí, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt)

Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân hủy sinh học:

Không có sẵn các dữ liệu.

Thông tin trên: retinyl palmitate

Đánh giá khả năng phân hủy sinh học:

Sản phẩm không có tính khả dụng sinh học do độ ổn định và tính không thể hòa tan trong nước của nó. Dự kiến không có sự tích tụ đáng kể trong các cơ quan do hệ số phân bố n-octanol/nước (log Pow).

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 23.10.2024
Sản phẩm: **Dry Vitamin A-Palmitate 250 Food Grade**

Phiên bản: 6.0

(30041045/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

13. Thông tin về thải bỏ

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Tuân theo các yêu cầu pháp luật quốc gia và địa phương.

14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Số UN hoặc số ID	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Vận tải đường thủy

IMDG	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Ô nhiễm hàng hải: không
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Sea transport

IMDG	Not classified as a dangerous good under transport regulations
UN number or ID number:	Not applicable
UN proper shipping name:	Not applicable
Transport hazard class(es):	Not applicable
Packing group:	Not applicable
Environmental hazards:	Not applicable
Marine pollutant:	no
Special precautions for user	None known

Vận tải hàng không

IATA/ICAO

Air transport

IATA/ICAO

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 23.10.2024
Sản phẩm: **Dry Vitamin A-Palmitate 250 Food Grade**

Phiên bản: 6.0

(30041045/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải		Not classified as a dangerous good under transport regulations	
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng	UN number or ID number:	Not applicable
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng	UN proper shipping name:	Not applicable
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng	Transport hazard class(es):	Not applicable
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng	Packing group:	Not applicable
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng	Environmental hazards:	Not applicable
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin	Special precautions for user	None known

15. Thông tin về pháp luật

Những quy định khác

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Nghị định số 34/2024/ND-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05A:2020/BCT về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng bảo quản, vận chuyển hóa chất nguy hiểm và các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.
- Nghị định số 33/2024/ND-CP ngày 27/03/2024 của Chính phủ Quy định việc thực hiện công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 23.10.2024

Sản phẩm: **Dry Vitamin A-Palmitate 250 Food Grade**

Phiên bản: 6.0

(30041045/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất. Phải tuân thủ nghiêm các biện pháp bảo vệ an toàn nghề nghiệp được khuyến cáo.

Những hàng trắng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.